

TAM QUỐC DI SỰ

QUYỂN 5

MÔN 6 : THẦN CHÚ

Mật Bản phá tà:

Thiện Đức Vương Đức Mạn bị bệnh đã lâu ngày, tăng Pháp Dịch chùa Hưng Luân vâng chiếu vào chữa trị, nhưng lâu rồi mà không công hiệu. Bấy giờ có Pháp sư Mật Bản đức hạnh vang khắp nước, quần thần xin thay Dịch. Vương bèn thỉnh Sư vào nội cung. Sư ngồi bên ngoài phòng tụng kinh Dược Sư vừa xong, Sư cầm sáu cái vòng phi thân vào phòng ngủ của Vương đâm một con chôn và Pháp Dịch ném ngược ra sân. Bệnh của Vương liền hết. Bấy giờ trên đỉnh đầu của Sư có thần quang năm màu, ai nhìn thấy cũng đều kinh sợ.

Lại Thừa tướng Kim Lương Đồ khi còn trẻ, một hôm bỗng nhiên thân thể cứng đờ, miệng không nói được, không cử động được. Thường thấy một con quỷ lớn dẫn bảy quỷ nhỏ đến, trong nhà phàm có thức ăn gì chúng đều nếm hoặc ăn hết; mời thầy cúng, đồng cốt đến thì bảy quỷ tụ tập lại tranh nhau bức hiếp. Lương Đồ tuy rất muốn trừ khử mà miệng không thể nói được. Gia đình thỉnh một vị tăng (đã quên tên) ở chùa Pháp Lưu đến tụng kinh, quỷ lớn bảo bảy quỷ nhỏ dùng chùy sắt đánh vào đầu vị Tăng khiến vị này té trên đất thổ huyết mà chết. Vài ngày sau, người nhà đến thỉnh Pháp Sư Bản. Người ấy trở về nói rằng:

- Pháp sư đã nhận lời mời, sắp đến đây!

Các quỷ nhỏ nghe vậy thì thất kinh nói rằng:

- Pháp sư đến thì sẽ bắt lợi, trốn đi cũng đâu thoát.

Quỷ lớn thì ung dung ngạo mạn nói:

- Đâu có ai làm hại được ta!

Bỗng chốc có Đại Lực Thần Tướng ở bốn phương mang giáp vàng cầm trường kích đến bắt trói bảy quỷ dẫn đi, kể đến có vô số thiên thần đến vây quanh chờ đợi, lát sau Sư đến, chẳng đợi khai kinh, bệnh đã hết, miệng nói được, thân cử động được, bèn kể lại tất cả mọi chuyện.

Từ đó Lương Đồ dốc lòng tin Phật, một đời không biếng trễ, lại đúc tạo chân tượng Di-đà chủ tôn tại Ngô đường chùa Hưng Luân, đồng thời dùng nhũ vàng vẽ hai tôn tượng Bồ-tát ở hai bên trái phải Đức Di-đà trong Ngô đường này. Sư thường trụ tại chùa Kim Cốc.

Bấy giờ Kim Dữu Tín kết thân giao với một vị cư sĩ, mọi người chẳng biết cư sĩ là ai. Dữu Tín có một người thân tên là Tú Thiên mang ác bệnh đã lâu, Tín mời cư sĩ chẩn đoán chữa trị. Vừa lúc ấy một bạn cũ của Tú Thiên là Sư Nhân Tuệ từ Trung Khâu đến thăm hỏi, thấy Cư sĩ, liền tỏ vẻ khinh mạn nói rằng:

- Xem hình nghi của ông thì biết là kẻ tà nịnh, đâu được để chăm sóc người bệnh.

Cư sĩ liền nói:

- Tôi vâng lệnh Kim Công, thật là việc bất đắc dĩ mà thôi!

Nhân Tuệ nói:

- Người hãy xem thần thông của ta đây!

Nói xong bưng lư, chú hương, bồng chốc trên đầu hiện mây năm sắc xoay chuyển, hoa trời rơi khắp đất.

Cư sĩ thưa:

- Thần lực của Hòa thượng thật chẳng thể nghĩ bàn, đệ tử cũng có biết đôi chút vụng về, xin Hòa thượng xem thử. Thỉnh ngài đứng ra trước!

Nhân Tuệ nghe theo. Cư sĩ liền khảy móng tay một tiếng tức thời Nhân Tuệ lộn ngược đầu xuống đất, vọt thẳng lên cao một trượng, hồi lâu mới từ từ hạ ngược xuống, đầu chạm đất, toàn thân thẳng đứng, mọi người đến xô đẩy mà vẫn bất động. Cư sĩ bỏ đi mà Tuệ vẫn như thế. Sáng hôm sau Tú Thiên sai người đến báo cho Tín Công, Công nói Cư sĩ đến giải, Nhân Tuệ không dám biểu diễn thần thông để mưu lợi nữa. Tán rằng:

Tía hồng xen lẫn loạn cả chu (đỏ)

Khá thương mắt cá đối ngư phu

Chẳng nhờ Cư sĩ cho đàn chỉ

Bao nhiêu tài sản bị đối lừa.

Tuệ Thông hàng long:

Thích Tuệ Thông: Sử sách không rõ tộc họ, chỉ biết lúc chưa xuất gia, nhà Sư ở tại cửa động Ngân Xuyên (nay là ngôi làng phía Đông chùa Nam Giản) tại chân phía Tây của Nam sơn. Một hôm đến suối ở phía Đông nhà bắt một con rái cá làm thịt ăn, ném xương trong vườn,

sáng hôm sau xương bị mất, bèn theo dấu máu đi tìm, thấy bộ xương trở về hang cũ đang ngồi ôm năm rái con. Lúc ấy Sư rất kinh sợ, cảm thán do dự hồi lâu rồi bỏ tục, xuất gia đổi tên là Tuệ Thông. Đầu tiên Sư sang Trung Hoa, tham học nơi Tam tạng Vô Úy. Ngài Vô Úy nói rằng: “Người là người Man di đầu thể kham làm pháp khí!”. Do đó chẳng truyền dạy. Sư không dám tạ từ ra đi, mà ở lại siêng năng làm việc ba năm, nhưng vẫn không chấp nhận. Sư phát phần, ra đứng trước sân đầu đội chậu lửa, bỗng chốc đầu xé nổ phát ra một tiếng lớn như sấm, Tam tạng nghe được bước ra xem, dẹp chậu lửa, dùng ngón tay chặn nơi bị nứt vỡ rồi tụng thần chú, vết thương liền lại như cũ, chỉ còn lại một vết sẹo giống như chữ vương, nên gọi là Vương Hòa thượng. Ngài Vô Úy cho là một bậc pháp khí bèn truyền ấn quyết.

Bấy giờ nhà Đường có một công chúa bị bệnh, vua Cao Tông thỉnh cầu Tam tạng Vô Úy, ngài Vô Úy cử Sư thay mình đến chữa trị, Sư vâng lời dạy đến một nơi riêng, dùng một đầu đậu trắng chú nguyện vào thau bằng bạc, biến thành thần binh giáp trắng, đuổi không được tà quỷ; Sư lại dùng một đầu đậu đen chú nguyện trong thau bằng vàng, biến thành thần binh giáp đen, khiến thần binh hai màu hợp sức đuổi tà. Bỗng nhiên có một con rồng bay ra. Từ đó bệnh của công chúa tiêu trừ. Rồng oán hận Sư đã đuổi mình nên đến rừng Nhung lâm ở Tân La hại người rất tàn độc. Bấy giờ Trịnh Cung làm sứ sang Đường, gặp Sư nói rằng:

- Con rồng dữ mà Sư đuổi, nay đến nước ta phá hại rất nhiều, hãy mau trở về trừ diệt!

Năm Ất Sửu, niên hiệu Lâm Đức thứ hai, Sư cùng với Cung trở về nước đuổi rồng. Rồng lại oán hận Cung, nên gá làm cây liễu mọc trước cửa nhà Cung, Cung chẳng hay biết gì, chỉ nếm mật của cành cây này mà trở nên vô cùng yêu quý nó. Bấy giờ Thần Văn Vương vừa băng hà, Hiếu Chiêu lên ngôi, ban lệnh dọn dẹp đồi núi, sửa sang con đường mai táng, cây liễu của Trịnh Cung nằm ngay đường, quan quân muốn chặt bỏ, Cung tức giận nói rằng:

- Thà chém đầu ta, chớ chặt cây liễu này!.

Quan quân về tâu lại. Vương tức giận nói với quan Tư Khấu rằng:

- Trịnh Cung cậy nơi Vương Hòa thượng có thần thuật nên mưu đồ phản nghịch, khinh thường Vương mệnh, nói là “Hãy chém đầu mình”, như thế thì nên làm theo điều mà hắn thích!

Wang bèn ra lệnh giết Cung, chôn tại nhà. Quần thần bàn rằng:

- Vương Hòa thượng và Cung giao du rất thân mật ắt sẽ có lòng ghen ghét, nên trừ khử trước!. Hiếu Chiêu sai quân lính tìm bắt. Sư đang ở tại chùa Vương vọng thấy quân lính đến, liền lên gác mang theo một cái bình; nghiêng, mực đỏ và bút, rồi gọi quân lính nói rằng:

- Các người hãy xem ta làm đây!

Rồi Sư dùng bút chấm mực đỏ vạch ngang một vạch ngay nơi cổ của cái bình, rồi nói tiếp rằng:

- Các người mỗi người hãy xem cái cổ của mình! Mọi người nhìn nhau đều thấy trên cổ của mình cũng có một vạch đỏ, đồng ngạc nhiên mà nhìn. Sư lại nói:

- Nếu ta chém ngay cổ bình này, là chém cổ các người đây phải chăng?

Quân lính bèn sợ hãi bỏ chạy, về chỉ Vương xem vết mực trên cổ. Vương nói:

- Hòa thượng có thần thông, há sức người mà mưu hại được ư?. Bèn bãi bỏ lệnh ấy. Một hôm con gái của vua bỗng phát bệnh, thỉnh Sư vào cung chữa trị, bệnh lành, Vương rất vui mừng. Nhân đó Sư nói:

- Trịnh Cung bị rồng ác làm xấu nên chịu hình pháp. Vương nghe thế tâm sinh hối hận, tha tội tất cả vợ con thê thiếp của Cung, đồng thời tôn Sư làm quốc sư. Rồng ác đã báo oán nơi Trịnh Cung thì đến núi Cơ trưởng làm Thần gấu, thì càng độc ác hơn, nhân dân phần nhiều oán thán. Sư đến núi giáo huấn rồng thọ giới chẳng sát sinh, từ đó mới dứt sự tàn hại. Lúc Thần Văn Vương phát bệnh ung nhọt trên lưng, mời Sư vào chữa trị. Sư đến tụng thần chú thì bệnh liền hết. Sư nói:

- Khi xưa lúc bệ hạ làm thân tể quân đã lầm phán quyết một người tốt là Tín Trung làm khổ sai, sau Tín Trung oán hận, đời đời báo oán, ung nhọt hôm nay cũng là do Tín Trung gá vào! Vương nên vì Tín Trung tạo lập Già-lam cầu minh phước để giải oan! Vương y lời, xây dựng một ngôi chùa đặt tên là Tín Trung Phụng Thánh tự. Chùa hoàn thành, trên hư không bỗng có tiếng nói rằng: “Nhờ Vương lập chùa, nên được thoát khổ, sinh về cõi trời, oán thù đã giải!” (có bản ghi việc này tại truyện ngài Chân Biểu là sai lầm), nơi phát ra lời nói ấy ứng với dưới đất, lập Chiết Oán đường. Đường này và chùa nay vẫn còn. Đầu tiên có Mật Bản, sau có Minh Lăng vào Long cung được ấn thần (tiếng Phạm là Đậu-lâu, dịch là Thần ấn). Tổ sáng lập Thần Du Lâm (nay là chùa Thiên Vương) từng cầu đảo trừ giặc lân bang, nay Hòa thượng truyền cốt tủy của ngài Vô Úy, đi khắp các nơi cứu người độ vật, lại dùng Túc mệnh minh mà bảo lập chùa, giải oan. Mật giáo đại chấn bắt đầu từ đây

vậy. Tổng Trì Nham ở Thiên Ma, Chúc Tích Viện ở Mẫu Nhạc đều là hậu duệ của Sư. Hoặc cho rằng thế tục gọi Sư là Tôn Thắng Giác Can, Giác Can là phẩm cấp cao nhất ở Tân La, tức Tể tướng. Chưa nghe nói Sư hiện tích làm quan, hoặc nói bắn được sài lang v.v... đều chưa xác định được. Tán rằng:

*Núi đào khe hạnh ánh tà dương
Xuân đến hoa khai rộ bên đường
May nhờ lang quân được rái cá
Quý ma ngoại đạo lánh kinh kỳ.*

Minh Lãng được thân ấn:

Theo Kim Quang Tự Bản Kỷ thì Sư vốn sinh ở Tân La, sang Đường học đạo, lúc sắp trở về thì Long vương thỉnh vào long cung truyền trao bí pháp, cúng dường một ngàn lượng vàng (hoặc nói là một ngàn cân). Sư đi dưới mặt đất rồi vọt lên từ đáy giếng của nhà mình. Sư cải nhà làm chùa, dùng vàng mà Long vương đã cúng để trang nghiêm tượng tháp sáng chói rực rỡ phi thường, nhân đó mà đặt tên là Kim Quang (Tăng truyện ghi Kim Vũ là sai).

Sư húy là Minh Lãng, tự là Quốc Dục, con của Sa Can Tài Lương, mẹ là Nam Giản Phu Nhân, hoặc nói mẹ là Pháp Quai Nương, con gái của Tô Phán Mậu Lâm, em gái của ngài Từ Tạng. Gia đình Sư có ba anh em: Thứ nhất là Quốc Giáo Đại Đức, thứ hai là Nghĩa An Đại Đức, thứ ba là Sư. Một hôm người mẹ nằm mộng thấy một hạt châu màu xanh mà có thai sinh ra Sư. Năm thứ nhất đời Thiện Đức Vương, Sư sang Trung Hoa đến năm Ất Mùi, niên hiệu Trinh Quán thứ ba thì trở về. Năm Mậu Thìn niên hiệu Tổng Chương thứ nhất, tướng nhà Đường là Lý Tích thống lĩnh đại binh hợp với binh Tân La diệt Cao Ly. Sau đó giữ lại một số quân đồn trú ở Bách Tế, muốn đánh úp diệt luôn Tân La. Người Tân La biết được, phát binh chống cự, Cao Tông nghe được rất tức giận sai Tiết Bang đem binh thảo phạt. Văn Võ Vương nghe tin rất kinh sợ, thỉnh Sư hành bí pháp để cầu đảo (sự việc đã chép tại truyện của Văn Võ Vương), nhân đây mà tôn là Thần Ấn Tông Tổ. Đến khi Thái Tổ ta sáng lập cơ nghiệp, cũng có lần bị hải tặc đến quấy phá, bèn thỉnh hậu duệ của An Tuệ, Lãng Dung là hai vị Đại đức Quảng Học, Đại Duyên hành pháp cầu đảo để trấn giữ, đó cũng là dòng phái của Sư. Nếu tính từ ngài Long Thọ trở xuống thì Sư là Tổ thứ chín (Tự Ký ghi ba Sư đều là Tổ Luật Tông, chưa rõ vì sao?)

Thái tổ có sáng lập chùa Hiện Thánh làm căn cứ địa của Tông

này. Lại cách Đông nam của kinh thành Tân La hơn hai mươi dặm có chùa Viên Nguyên tương truyền do bốn vị Đại đức là An Tuệ... cùng với Kim Dữu Tín, Kim Nghĩa Nguyên, Kim Thuật Tông đồng tạo lập. Di cốt của bốn vị Đại đức đều tôn thờ ở ngọn núi phía Đông chùa, nhân đó mà có tên là Tứ Linh sơn Tổ sư Nham. Thế thì bốn vị Đại đức đều là các bậc cao đức thời Tân La.

Theo Trụ Thiếp chú cước chùa Bạch thì con gái của Hộ trưởng Khánh Châu Cự Xuyên Mẫu A là Nữ Mẫu Minh Châu Nữ, con trai của Nữ Mẫu Tích Lợi Nữ là Quảng Học Đại Đức và Đại Duyên Tam Trọng (xưa gọi là Thiện Hội) hai anh em đều là môn đồ của Thần Ấn Tông, năm Tân Mão niên hiệu Trường Hưng thứ 2, theo Thái Tổ về Kinh đô, theo Vương tu tập. Vì thường công lao khó nhọc nên Vương cấp tiền bạc cho ngày kỵ cha mẹ của hai vị tại chùa Bạch và nhiều mẫu ruộng...

Thế thì Quảng Học và Đại Duyên là những người theo Thánh Tổ về Kinh, còn An Tuệ... là những vị đã cùng Kim Dữu Tín lập chùa Viên Nguyên. Linh cốt của Quảng Học và Đại Duyên cũng chuyển về thờ tại đây, chứ chẳng phải bốn vị Đại đức đồng sáng lập chùa Viên Nguyên, chỉ đi theo Thánh Tổ mà thôi!

MÔN 7: CẢM THÔNG

Tiên Đào Thánh Mẫu tùy hỷ Phật sự:

Vào thời Chân Bình Vương có một Tỳ-kheo-ni tên là Trí Tuệ là người hiền đức đầy đủ giới hạnh, trụ tại chùa An Hưng, muốn tu sửa điện Phật, nhưng không đủ sức. Một hôm mộng thấy một Tiên nữ phong cánh dung nghi rất thùy mị và xinh đẹp, ngọc thúy trang sức trên mái tóc, đến an ủi rằng: “Ta là Thần Mẫu của Tiên Đào Sơn, vui mừng vì biết Sư muốn tu sửa điện Phật, xin cúng mười cân vàng để trợ giúp. Sư lấy vàng nơi tòa ta ngồi, trang nghiêm ba tượng chủ tôn trên tường, vẽ năm mươi ba tượng Phật, sáu bộ loại Thánh chúng, các Thiên Thân và Thần quân năm núi (năm núi của Tân La bấy giờ là Đông Hàm sơn, Nam Trí Dị sơn, Tây Khê Long sơn, Bắc Thái Bá sơn, Trung Phụ Khâu cũng gọi là Công Sơn). Trong mười ngày của hai mùa xuân thu phải tụ họp thiện nam tín nữ, vì tất cả hàm linh mà lập pháp hội Chiêm Sát, và lấy đó làm định kỳ (việc này giống với điếm mộng mà rồng ở hồ Khuất Phất báo cho Đế, thỉnh khai đạo tràng Dược Sư tại Linh Thứu sơn để an

định đường biển).

Trí Tuệ giật mình tỉnh giấc dẫn đồ chúng đến miếu thờ, đào dưới tòa ngai được một trăm sáu mươi lượng vàng, liền trở về khởi công, tất cả đều y theo lời Thần Mẫu dặn dò. Đến nay việc ấy vẫn còn mà pháp hội đã bị phế bỏ.

Thần Mẫu lúc sinh tiền vốn là con gái của một Hoàng đế Trung Quốc tên là Sa Tô, sớm được thuật thần tiên, đến trụ tại Hải đông đã lâu mà chẳng chịu về. Phụ Hoàng buộc thư vào chân điều hâu gửi đi. Công chúa nhận được thư nói rằng: “Tùy nơi nào chim dừng thì lấy đó làm nhà”, xong thả chim bay đi, điều (diên) bay một mạch đến núi này thì dừng, Sa Tô bèn đến đó làm Địa Tiên nên gọi là Tây Diên sơn. Thần Mẫu trụ tại núi này đã lâu, trấn giữ quốc gia, hiện rất nhiều điềm linh dị. Từ khi lập quốc đến nay đền thờ này thường là một trong ba ngôi lớn, lộc hưởng tại các núi chung quanh. Đời vua thứ năm mươi bốn là Cảnh Đức Vương rất thích dạy chim ưng, thường lên núi này thả chim, một hôm chim bị mất, vua cầu Thần Mẫu rằng: “Nếu được lại chim, sẽ phong tước cho!”. Bỗng chốc chim ưng quay về đậu trên ghế. Nhân đó Vương phong tước cho Thần Mẫu là Đại vương.

Thần Mẫu đầu tiên đến Thần Hàn sinh ra Thánh Tử làm vị vua đầu tiên của Đông Quốc, là chỗ khởi đầu của hai Thánh là Hách Cư và Át Anh. Cho nên gọi là Kê Long, Kê Lâm, Bạch Mã, vì Kê là thuộc về hướng Tây. Thần Mẫu khi ấy thường sai các Tiên Thiên dệt lụa, nhuộm màu sắc, may triều phục tặng cho chồng. Người trong nước lúc đó mới biết sự thần nghiệm của bà. Lại Quốc sử sử thần nói rằng: Trong khoảng niên hiệu Chánh Hòa, Thức từng đi sứ sang Tống, đến Hựu Thần Quán, có một ngôi điện thờ tượng Nữ Tiên, người bạn trong Quán này là Học sĩ Vương Phủ nói rằng: “Đây là một vị thần của quý quốc, ngài biết chăng? Xưa có một người con gái của Hoàng đế Trung Quốc đi thuyền vượt biển sang Thần Hàn sinh được người con trai, sau làm Thủ Tổ của Hải Đông, người con gái ấy làm Địa Tiên, thường trụ tại núi Tiên Đào. Đây là tượng của nữ Tiên ấy.”

Lại sử của Đại Tống là Vương Tương đến triều ta tế Đông Thần Thánh Mẫu có câu: “Mang thai sinh bậc hiền khai mở quốc thổ”, nay lại dâng vàng phụng Phật, vì tất cả hàm sinh khai pháp hội làm bến bờ. Như thế đâu chỉ học phép trường sinh mà quần quanh trong chỗ mở mịt ư? Tán rằng:

*Đến định Tây Diên mấy mươi thu
Gọi kêu Thiên nữ dệt y thường*

*Trường sinh, vô sinh chưa hẳn khác
Cố hỏi Kim Tiên lập ngọc hoàng.*

Tỳ nữ Úc Điện niệm Phật sinh về Tây Phương:

Vào đời Cảnh Đức Vương, ở vùng Khang châu (nay là Tấn châu; còn gọi là Cương châu thì nay là Thuận an) có khoảng vài mươi Thiên sĩ phát tâm cầu sinh Tây Phương. Trong địa phận châu này có lập chùa Di-đà, thời gian vạn ngày làm kỳ hạn niệm Phật. Bấy giờ nhà của A Can Quý Trân có một nô tỳ tên là Úc Điện thường theo chủ nhân về chùa đứng trước sân theo chúng Tăng niệm Phật. Người chủ ghét tỳ nữ không xứng đáng, nên trước khi đi chùa, bà giao cho Úc Điện phải giả hai thạch lúa trong một đêm. Úc Điện giả đến canh một thì xong liền đến chùa niệm Phật. Lâu ngày quá mỗi một, Úc Điện dùng dây xỏ ngang qua hai bàn tay của mình rồi giăng cột vào hai cây trụ hai bên trái phải sân chùa, cứ thế mà chấp tay niệm Phật. Mọi người qua lại sách tấn. Bấy giờ trên hư không chư Thiên xướng lên rằng: “Úc Điện hãy vào Điện đường niệm Phật!”. Đại chúng trong chùa nghe được, khuyên Úc Điện vào. Cô vào cũng tùy thuận phép tắc mà tinh tấn tu tập. Không bao lâu nhạc trời từ phương Tây vọng đến, Úc Điện vọt lên nóc nhà mà ra, đi theo hướng Tây đến ngoài thành, thì xả bỏ thân này, hiện thành chân thân, ngồi trên đài sen, phóng ánh sáng rồi từ từ bay xa, tiếng nhạc trời trên hư không vẫn không dứt. Điện đường ấy ngày nay vẫn còn một lỗ trống, nơi mà Úc Điện đã thoát ra (đó là theo Hương Truyện).

Theo Tăng Truyện thì Đồng Lương Bát Trân là do Đức Quán Âm ứng hiện tụ tập đồ chúng gồm một ngàn người, phân làm hai nhóm: một là chúng lao lực, hai là chúng tinh tu. Vị trí sự trong chúng lao lực vì phạm giới nên đọa vào đường súc sinh, làm trâu trong chùa Phù Thạch, thường chở kinh điển, lại nhờ sức của kinh mà chuyển sinh làm nô tỳ trong nhà A Can Quý Trân, tên là Úc Điện. Nhân có việc đến Hạ Kha Sơn một hôm cảm mộng mà phát đạo tâm. Nhà của A Can cách chùa Di-đà của Pháp sư Tuệ Tú sáng lập không xa, A Can thường đến chùa niệm Phật, nô tỳ đi theo đến chùa đứng trước sân niệm Phật... Trải qua chín năm, đến ngày hai mươi mốt tháng giêng năm Ất Mùi, sau khi lễ Phật xong Úc Điện vọt lên nóc chùa mà ra, đi đến Tiểu Tú Sơn thì đánh rơi một chiếc giày, nơi này sau là chùa Bồ-đề; xuống núi thì xả thân này, nơi này sau là chùa Nhị Bồ-đề. Tấm bảng của điện đường này ghi: Úc Điện Đãng Thiên Chi Điện. Khoảng trống trên nóc chùa rộng khoảng năm thước, nhưng mưa lớn tuyết dày vẫn không rơi ướt. Sau có

một hiệu chủ tạo một ngôi tháp bằng vàng đặt trên thừa trần (còn gọi là Tảo Tĩnh, Thiện Hoa Bản) ngay khoảng trống khi trước để ghi nhớ việc kỳ lạ này. Nay tháp và bằng vẫn còn. Sau khi Úc Điện đi rồi, Quý Trân cũng cho rằng nhà mình là nơi dị nhân gá sinh, nên cải làm chùa, đặt tên là Pháp Vương, hiến ruộng cho dân làng. Lâu ngày chùa bị đổ nát chỉ còn nền mà thôi. Về sau có Đại sư Hoài Cảnh, cùng với Thờa Tuyên Lưu Thạch, Tiểu Khanh Lý Nguyên Trường nguyện trùng tu. Đại sư Cảnh tự thân lo việc dọn dẹp cây cối đất đá. Đầu tiên thiếu cây gỗ, một hôm mộng thấy một ông già đến tặng cho một chiếc giày, một sợi gai, một dây sắn, lại đến miếu thần, dùng Phật lý trình bày, xin chặt được một số cây gỗ bên miếu, trải qua năm năm thì xong. Về sau có thêm người giúp việc, nên phát triển thành một danh lam ở miền Đông nam. Mọi người đều cho rằng Đại Sư Hoài Cảnh là hậu thân của Quý Trân.

Bàn rằng: Theo lời truyền xưa trong làng thì Úc Điện là việc xảy ra vào thời Cảnh Đức Vương. Nhưng căn cứ theo truyện của Trưng (nghĩ là Trân, văn sau cũng thế) thì năm Mậu Tý, niên hiệu Nguyên Hòa thứ ba là thuộc đời Ai Trang Vương. Sau đời Cảnh Đức Vương là trải qua năm đời theo thứ tự Tuệ Cung, Tuyên Đức, Nguyên Thánh, Chiêu Thánh và Ai Trang, tổng cộng là hơn sáu mươi năm. Nêu Trưng (Trân) trước, Điện (Úc Điện) sau, trái nghịch với Hương Truyện. Nhưng cả hai vẫn còn tồn nghi. Tán rằng:

*Chùa xưa Tây cảnh sáng Phật dăng
Giả xong lên điện đã canh hai
Tự hứa một lời thành một Phật
Dây ấy xuyên tay tức quên hình.*

Quảng Đức - Trang Nghiêm:

Vào thời Văn Võ Vương có hai vị Sa-môn tên là Quảng Đức và Trang Nghiêm, kết giao thân thiện, ngày đêm thường ước hẹn nhau rằng: “Người nào trở về nước An Dưỡng trước thì phải báo!”. Đức ẩn cư tại ngôi làng phía Tây chùa Phấn Hoàng (hoặc nói chùa Hoàng Long có một cái am ở phía Tây. Chưa biết lời nào đúng), cùng sống với vợ con, lấy việc đan giày cỏ làm kế sống. Trang cát am sống ở núi Nam, cày cấy trồng trọt mà sống. Một hôm vào lúc hoàng hôn, bên ngoài bỗng nhiên có tiếng báo rằng:

- Ta đi về Tây đây, chúc bạn ở lại mạnh khỏe, rồi mau chóng đi theo tôi!

Trang bồi hồi bước ra nhìn theo, trên mây có tiếng nhạc trời, ánh sáng chiếu khắp mặt đất. Sáng ngày đến thăm hỏi nơi ở của Đức, quả thật Đức đã qua đời. Bấy giờ Trang cùng với vợ Đức thâm hài cốt, đồng lo an táng. Việc xong Trang nói với vợ của Đức rằng:

- Nay chồng đã qua đời, có thể cùng ta chung sống được chăng?

Người đàn bà trả lời:

- Có thể!

Trang bèn ở lại; đến đêm khuya, lúc Trang sắp muốn tư thông, người đàn bà trêu rằng:

- Sư câu Tịnh Độ, có thể cho rằng bắt cá mà leo cây ư?

Trang kinh dị hỏi rằng:

- Đức đã như thế, ta cũng làm như thế, đâu có ngại gì!

Người đàn bà nói:

- Tôi cùng sống với chồng hơn mười năm, nhưng chưa từng có một đêm chung giường, hà huống là có việc xúc chạm ư? Phu quân hàng đêm đoan thân yên tọa, niệm danh hiệu Phật A-di-đà, hoặc tu mười sáu phép quán. Quán thành thực, lúc trăng sáng chiếu vào nhà thì bước lên vầng ánh sáng ngồi kiết già. Chí thành như thế, tuy muốn chẳng đến Tây mà lại đến; phàm người đi xa ngàn dặm thì một bước đầu là quy tắc. Nay xem ra Sư có thể nói là về hướng Đông, còn Tây thì chưa thể biết được!

Trang hổ thẹn trở về, thẳng đến ngài Nguyên Hiếu khẩn thiết cầu yếu pháp. Ngài Nguyên Hiếu dạy pháp quán “Tranh”. Bấy giờ Trang khắc kỷ hối lỗi, chuyên tâm tu quán, về sau cũng được về Tây phương. Pháp tranh quán ghi trong Nguyên Hiếu Bản Truyện và Hải Đông Tăng Truyện. Người đàn bà kia là nô bộc ở chùa Phấn Hoàng, thị hiện một đức trong mười chín đức ứng thân. Ca rằng:

Nguyệt hạ y để diệc

Tây phương niệm định khứ tứ lý khiển

Vô lượng thọ Phật tiền nãi

Nảo sát cát âm (phương âm nói là Báo Nguyên) đa khả chi bạch
khiển tứ lập

Thệ âm thâm sử ản tôn y hi ngưỡng chi

Lưỡng thủ tập đao hoa hồ bạch lương vãng sinh, nguyện vãng
sinh

Mộ nhân hữu như bạch khiển tứ lập a tà

Thử thân khiển dã trí khiển

Tứ thập bát đại nguyện thành khiển tứ khứ.

Cảnh Hưng gặp Thánh:

Vào đời Thần Văn Vương có Đại đức tên là Cảnh Hưng, họ Thủy, người châu Hùng Xuyên. Sư xuất gia vào năm mười tám tuổi, lâu thông Tam tạng, được trọng vọng một thời. Năm Khai Diệu thứ nhất, lúc Văn Võ Vương sắp thăng hà, dặn dò Thần Văn rằng: “Có thể tôn Pháp sư Cảnh Hưng làm quốc sư, chớ quên lời Trẫm!”. Khi Thần Văn lên ngôi, phong Sư làm quốc lão, trụ ở chùa Tam Lang. Bỗng bị bệnh nhiều tháng mà chưa hết. Một hôm có một vị Ni đến thăm, dùng thuyết “gốc bệnh của Thiện Hữu” trong kinh Hoa Nghiêm mà bảo rằng:

- Nay bệnh của Sư là do nơi lẳng mà sinh, nếu vui vẻ tươi cười thì bệnh lành.

Nói xong bèn thể hiện mười một diện mạo, mỗi mỗi đều kèm theo nhảy múa hài hước lúc mạnh mẽ, lúc mềm mại biến chuyển kỳ diệu không thể nói hết, tất cả đều có thể làm người vui tươi, do đó bệnh của Sư lành hẳn. Vị Ni ra khỏi nhà đến chùa Nam Cảnh (chùa này phía Nam chùa Tam Lang) mà ẩn, cây gậy đặt tại trước bức tranh Đức Quán Âm mười một mặt. Một hôm Sư sắp vào cung, những người đi theo đã tụ tập trước bên ngoài cửa Đông. Ngựa xe rất đông, giày nón la liệt, người đi đường phải tránh. Bỗng có một vị cư sĩ (có nơi nói là một Sa-môn) hình mạo lôi thôi, tay cầm gậy, lưng mang sọt đến ngồi nghỉ trên Hạ mã đá. Mọi người nhìn trong sọt thấy có cá khô, bèn quở trách rằng:

- Ông đã xuất gia sao lại mang vật cấm kỵ?

Vị Tăng kia liền nói:

- Đối với việc các người kẹp miếng thịt sống giữa hai đùi, thì chuyện lưng ta mang cá khô của ba chợ đầu thắm tháp gì?

Nói xong đứng dậy đi. Lúc ấy Sư mới ra khỏi cửa nghe mọi người thuật lại, liền sai người đuổi theo đến ngoài cổng chùa Văn-thù ở Nam sơn thì vị Tăng ném sọt mà ẩn, cây gậy còn đặt trước tượng Thánh Văn-thù, cá khô là vỏ cây tùng. Người ấy trở về kể lại, Sư nghe xong than rằng: Đại Thánh đến khuyên răn ta về việc cười ngựa! Từ đó về sau đến cuối đời Sư không bao giờ cỡi ngựa.

Hương đức và vị hạnh của Sư ghi chép đầy đủ nơi bia chùa Tam Lang do Thích Huyền Bản soạn. Từng thấy lời Bồ-tát Di-lặc trong kinh Phổ Hiền Chương rằng: “Ở đời vị lai ta sẽ sinh vào cõi Diêm-phù-đề, trước độ các đệ tử đời mạt pháp của Phật Thích-ca, chỉ trừ những Tỳ-kheo cưỡi ngựa thì không được thấy Phật”. Như thế mà có thể chẳng kinh sợ ư? Tán rằng:

Thánh xưa dạy dỗ ý rất nhiều

*Cớ sao con cháu chẳng thiết tha
Lưng mang khô cá còn có thể
Ngày sau đâu đến được Long Hoa.*

Chân thân thọ nhận cúng dường:

Năm Nhâm Thìn, niên hiệu Trường Thọ thứ nhất, Hiếu Chiêu lên ngôi, sáng lập chùa Vọng Đức để cầu phước cho nhà Đường. Đến năm thứ mười bốn đời Cảnh Đức Vương, chùa tháp bị chấn động, năm ấy ở Trung Quốc có loạn An Sử, người Tân La nói rằng:

- Chùa này lập là vì nhà Đường, nên có ứng như thế.

Đến năm Đinh Dậu, năm thứ tám đời Hiếu Chiêu, tổ chức lễ lạc thành, Vương đích thân đến cúng dường. Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo hình tướng thô lậu đơn độc đứng giữa sân thưa rằng:

- Bản đạo cũng mong được thọ trai.

Vương cho phép ngồi ở cuối. Sắp kết thúc pháp hội, Vương vui vẻ hỏi rằng: Trụ tích cất giữ nơi đâu?

Vị Tăng thưa:

- Giữ tại Tỳ Sát Nham.

Vương nói:

- Từ đây về sau chớ nói với người là đến thọ trai do quốc vương đích thân cúng dường.

Vị Tăng ấy cười nói:

- Bệ hạ cũng chớ nói với người là đã cúng dường chân thân Thích-ca!

Nói vừa xong liền vọt thân lên hư không bay về hướng Nam. Vương kinh hãi chạy lên Đông Cương hưởng theo kính lễ, rồi sai người đi tìm, đến cốc Tham tinh ở Nam sơn, hoặc nói ngài đã đặt tích tượng và bát trên tảng đá ở Đại Tích Xuyên rồi ẩn mất. Sư trở về tâu lại, Vương bèn lập chùa Thích-ca dưới Tỳ Sát Nham và lập chùa Phật Vô Tại nơi mất bóng hình, phân chia tượng và bát ra tôn thờ. Hai chùa đến nay vẫn còn mà tượng và bát đã mất. Trí Luận quyển bốn ghi: Xưa có Kế Tân Tam tạng, hành pháp A-lan-nhã đến chùa Nhất Vương, gặp lúc chùa đang tổ chức pháp hội, người giữ cửa thấy Tam Tạng y phục thô xấu, nên chặn không cho vào, nhiều lần như thế, vì mặc y phục thô rách nên đều không được vào. Ngài liền lập phương tiện, mượn y áo tốt đẹp mặc vào, người gác cổng thấy vậy thì không ngăn cản nữa. Khi Sư đã được nơi ngồi, được các món ăn ngon, trước tiên Sư cho cái y thức ăn. Mọi người hỏi vì sao làm như thế? Sư đáp: “Ta đã mấy lần đến đây đều

không được vào, nay nhờ y này mà ta được ngồi tòa này, được các món ăn ngon, vì thế nên cho thức ăn cái y này!”.

Việc này xét về sự thì đồng với chuyện ghi ở đây. Tán rằng:

*Đốt hương chọn Phật xem tranh mới
Biện cúng trai tăng hỏi người xưa
Từ lúc thường trắng trên Tỳ Sất
Luôn luôn mây chặn, chậm đến dân.*

Đâu-suất ca của Sư Nguyệt Minh:

Ngày mồng một tháng bốn năm Canh Tý, tức năm mười chín đời Cảnh Đức Vương, trên không đồng thời xuất hiện hai mặt trời, kéo dài cả tuần mà chẳng mất, Nhật quan tâu rằng: “Xin thỉnh tăng hóa duyên tạo công đức rải hoa thì có thể cầu dứt được!”. Vương nghe theo, lập đàn tại điện Triều Nguyên, Vương thân hành đến Thanh Dương Lâu mong đón Tăng hóa duyên. Bấy giờ sư Nguyệt Minh đang đi trên bờ ruộng phía Nam, Vương sai người triệu đến, mời lập đàn, làm khải tấu trời. Minh tâu rằng:

- Bần Tăng là môn hạ của Quốc Tiên, chỉ biết Hương ca, chẳng rành âm Phạm”.

Wương nói:

- Đã chọn Tăng hóa duyên rồi, thì dù có dùng Hương ca cũng được!

Sư Nguyệt Minh bèn xướng bài Đâu-suất ca rằng: Kim nhật thử hỷ tán hoa xướng lương ba bảo hồ ẩn hoa lương như ẩn trực đẳng ẩn tâm âm hỷ mạng sát sử dĩ ác chỉ. Di-lặc tòa chủ bồi lập la lương.

Dịch rằng:

*Lâu rồng hôm nay xướng tán hoa
Đào hoa tống tiễn phiến mây xanh
Ẩn trọng tâm ngay đang sai bảo
Câu xin Đâu-suất Đại tiên gia.*

Nay tục gọi đây là Tán Hoa ca là không đúng, mà nên nói là Đâu-suất ca, còn có một bài Tán Hoa ca riêng khác, nhưng văn dài dòng không tiện ghi chép. Không bao lâu tướng lạ của mặt trời diệt, Vương vui mừng ban cho một hộp trà ngon và xâu chuỗi thủy tinh một trăm lẻ tám hạt. Bỗng có một đồng tử hình nghi xinh đẹp quỳ dâng trà và xâu chuỗi, từ cửa nhỏ phía Tây điện bước ra. Minh cho rằng người trong nội cung, còn Vương thì cho rằng thị giả của Minh, đến khi hai người ngầm nêu ra đều không phải, Vương rất kinh lạ, cho người đi theo, thấy đồng

tử ẩn vào ngôi tháp ở nội viện. Trà và xôi chuối thì ở trước bức bích họa tượng Di-lặc tại phía Nam. Biết Minh là người chí thành chí đức mới có thể cảm nhờ đến bậc Thánh như thế. Trong triều hay nơi dân đã đều nghe biết, Vương lại càng thêm kính trọng, ban thêm cho một trăm xấp lụa để bày tỏ lòng thành to lớn của mình. Nguyệt Minh Pháp sư từng vì em gái đã mất của mình mà thiết lễ trai tăng, soạn Hương ca để tế lễ, bỗng nhiên có gió mạnh thổi đến làm bay tiền giấy về hướng Tây rồi biến mất.

Ca rằng:

Sinh tử lộ ẩn

Thử hỷ hữu a mễ thứ bi y khiến

Ngô ẩn khứ nội như từ sắt đồ

Mao như vân khiến khứ nội ni sắt cổ

Ư nội thu sắt tảo ẩn phong vị

Thử hỷ bỉ hỷ phù lương lạc thi diệp như nhất đẳng ẩn chi lương xuất cổ

Khứ nô ẩm xứ mao đông hồ đình

A đã

Di-đà sát lương phùng hồ ngô đạo tu lương đãi thị cổ như.

Sư thường trụ tại chùa Tứ Thiên Vương, thổi địch rất hay. Những đêm trăng Sư thường đến con đường lớn trước cổng chùa thổi địch, khiến vầng trăng dừng lại, nhân đó gọi con đường ấy là Nhật Nguyệt Minh Lý, Sư cũng nhân đó mà đặt tên là Nguyệt Minh. Sư là môn hạ của Năng Tuấn Đại sư. Người Tân La chuộng Hương ca đã từ lâu, bởi vì đó là một loại thi tụng. Vì thế đã nhiều lần làm cảm động được trời đất quỷ thần, chứ chẳng phải là một. Tán rằng:

Giấy tiền cúng tế gió thổi bay

Tiếng địch đêm trăng giữ hằng nga

Chớ nói suốt đà trời xa thăm

Hoa nghinh vạn đức một khúc ca.

Thiện Luật tái sinh:

Ở chùa Vọng Đức có một vị tăng tên là Thiện Luật quyên góp tiền bạc để khắc in bộ kinh Bát-nhã sáu trăm quyển, nhưng chưa thành tựu. Bỗng một hôm bị quỷ sứ bắt dẫn về Minh phủ. Diêm Vương hỏi rằng: “Trên nhân gian người làm nghề gì?” Thiện Luật đáp: “Những năm về già bản đạo muốn hoàn thành bộ Bát-nhã Đại Kinh, công chưa hoàn thành mà nay đã đến đây!” Diêm Vương nói: “Tuy số thọ của

người đã hết, nhưng nguyện lớn quý (chưa xong), nên cho người trở lại nhân gian hoàn thành bảo điển.”

Nói xong bèn cho trở về. Đi nửa đường gặp một người con gái khóc lóc quỳ lạy thưa rằng: Tôi cũng là người Tân La ở cõi Nam Diêm-phù, nhân vì cha mẹ ngấm lấy một mẫu ruộng nước của chùa Kim Cang, nên bị Minh phủ truy xét phạt tội chịu khổ đã lâu. Nay nếu Sư trở về quê xưa, xin bảo cha mẹ tôi mau trả lại ruộng ấy. Khi tôi còn tại thế, có chôn dấu dầu mè dưới giường, và cất giữ vải lụa trong tấm chăn. Xin Sư lấy dầu ra thắp đèn cúng Phật, bán vải lụa lấy tiền in kinh thì Hoàng Xuyên cũng được ân, ngõ hầu cứu thoát khổ nạn cho tôi!” Thiện Luật hỏi: “Nhà của cô ở đâu?”

Đáp: “Ở ngôi làng phía Tây Nam chùa Cửu Viễn thuộc SaLương Bộ.”

Thiện Luật nghe xong liền đi. Sau đó sống lại. Bấy giờ ở nhân gian, Thiện Luật chết đã mười ngày, thân xác được an táng tại chân núi phía Đông ngọn Nam sơn. Sư ở trong mã kêu gọi ba ngày, các mục đồng nghe được đến báo cho chùa. Các Tăng liền đến đào mộ đem lên, Sư thuật lại sự việc đã xảy ra. Sư hỏi thăm nhà của người nữ kia, quả nhiên đã chết cách mười lăm năm. Thiện Luật tìm thấy dầu và vải vẫn còn nguyên. Sư làm theo lời của người nữ để tạo minh phước. Sau đó người nữ hiện hồn đến báo rằng: “Nhờ ơn của Sư mà tôi đã lìa khổ!”

Người trong làng nghe biết, ai cũng kính sợ, nên trợ giúp hoàn thành bộ kinh. Kinh hiện nay còn giữ tại Tăng Ty Tạng ở Thúc Đô, hằng năm hai kỳ xuân thu đều có đem ra tụng để trừ tai họa! Tán rằng:

*Khá mừng thấy ta có thắng duyên
Hồn du địa phủ lại trở về
Mẹ cha nếu hỏi con có khỏe
Hãy vì con yêu trả ruộng xưa.*

Kim Hiện cảm hóa cạp:

Theo phong tục của Tân La, mỗi năm từ mồng tám đến rằm tháng hai thì nam nữ già trẻ đều chen nhau đến chùa Hưng Luân để tham dự phước hội nhiều điện nhiều tháp. Vào đời Nguyên Thánh Vương có một người nam tên là Kim Hiện, đêm đã khuya mà vẫn còn nhiều tháp không nghỉ, lại cũng có một người con gái vừa niệm Phật vừa nhiễu theo sau. Đồng cảm nhau mà liếc mắt đưa tình, nhiễu xong cả hai cùng dẫn nhau vào nơi kín để tư thông. Người nữ muốn trở về nhà, Kim Hiện đi theo, người nữ không chịu, nhưng Kim Hiện ép cưỡng dẫn, người

nữ đành phải chịu. Đi đến chân núi Tây Sơn thì dẫn vào một ngôi nhà tranh, có một lão bà ra hỏi rằng: “Con dẫn ai theo đấy?”

Người con gái bèn kể lại mọi sự việc. Bà mẹ nói rằng: “Tuy là việc tốt chẳng bằng không có vấn hơn, nhưng việc cũng đã rồi không thể ngăn cản. Nay hãy ẩn nấp cho kín, sợ ác tâm của anh em người.”

Nói xong hai người dẫn Kim Hiện dấu vào một nơi kín đáo. Một lát sau có ba con cọp gặm gừ tiến đến nhà, một con nói tiếng người rằng: “Nhà có mùi tanh, đang lúc đói sao may mắn thế?”

Hai mẹ con bèn nói: “Mũi của các người hôm nay lắm rồi ư? Sao nói cuồng thế?”

Bấy giờ có vị trời nói rằng: “Các người giết hại sinh mạng quá nhiều, nay nên diệt một mạng nhà người để trừng trị cái ác.”

Ba con cọp nghe nói tỏ sắc âu lo, người con gái nói rằng: “Ba anh nếu có thể tránh một nơi xa mà tự răn mình, thì tôi sẽ chịu tội thay cho tất cả!”

Ba con cọp vui mừng cúi đầu vẫy đuôi mà trốn đi. Người con gái trở vào nhà nói với Kim Hiện rằng: “Lúc đầu tôi hổ thẹn khi người quân tử hạ cố đến nhà, nên mới ngăn cản từ chối, nay đã không còn che dấu nữa, xin được bộc bạch nỗi lòng. Tiệp thiệp và chàng tuy không đồng loại, nhưng đã có cuộc vui một đêm bồi tiếp, tình giao hảo nghĩa trọng kết duyên. Ba người anh của thiệp vì ác nay trời đã đày xa, tai ương một nhà thiệp đây muốn gánh chịu tất cả. Nếu như bị chết dưới tay của một kẻ tầm thường, chẳng thà phủ phục dưới đao của chàng để báo đáp ân đức? Như thế này, ngày mai thiệp vào chợ phá hại, mọi người trong nước không ai làm gì được thiệp, nhất định Đại vương sẽ dùng tước lộc trọng hậu để chiêu mộ người đến bắt thiệp. Chàng chớ sợ, truy tìm thiệp tại khu rừng phía Bắc của thành, thiệp sẽ đợi ở đó.” Kim Hiện nói rằng: “Người giao kết với người là đạo thường tình, còn khác loài mà giao nhau là chuyện lạ thường, nhưng nay đã được bình yên, chắc chắn là do nơi trời thương xót, như thế đâu thể nhẫn tâm lấy cái chết của vợ để được tước lộc kiêu hãnh một đời?” Người nữ bảo rằng: “Chàng chớ nói như thế! Nay thiệp qua đời là hợp với thiên mệnh, cũng là nguyện của thiệp, là niềm vui của chàng, là phước của tộc họ thiệp, nhân dân trong nước vui mừng. Vậy một người chết mà được năm điều lợi như thế, thì có thể chống lại ư? Nhưng sau đó chàng hãy vì thiệp lập chùa, diễn giảng chân kinh trợ giúp cho quả báo tốt đẹp, như thế ân huệ của chàng chẳng lớn lắm sao?”

Nói xong hai người khóc lóc từ biệt. Hôm sau quả nhiên có một

con cộp dữ vào thành phá hoại, không ai dám bắt. Bấy giờ Nguyên Thánh Đại Vương nghe được, đích thân ban lệnh rằng: “Ai giết được cộp sẽ ban hai cấp tước lộc!”

Kim Hiện đến triều đình tâu rằng: “Tiểu thần làm được!” Vương ban tước trước để khuyến khích. Hiện cầm đoản đao vào rừng, cộp đã biến thành người con gái đêm trước, vui mừng cười nói rằng: “Hôm qua đã cùng chàng gắn bó vợ chồng, mong chàng không quên. Hôm nay người bị móng vuốt làm tổn thương, nên dùng nước tương chùa Hưng Luân để thoa, khi nghe tiếng bát ốc của chùa này thì chữa trị”. Nói xong lấy đao mà Kim Hiện mang theo tự đâm vào cổ mà chết, biến làm thân cộp. Kim Hiện ra khỏi rừng giả vờ nói rằng: “Nay cộp này đã bị giết rồi!”

Kim Hiện không tiết lộ nguyên do chỉ y theo lời dặn mà chữa trị, tất cả vết thương đều lành. Ngày nay người đời cũng còn dùng phương thuật này. Hiện đã có quan tước, bèn xây chùa ở bờ Tây Xuyên đặt tên là Hồ Nguyệt tự, thường giảng kinh Phạm Võng để dẫn dắt cộp nơi cõi u minh, cũng để báo đáp ân sát thân mà thành toàn sự nghiệp cho mình. Lúc lâm chung, Hiện quá cảm xúc vì việc lạ trước kia nên dùng bút viết thành truyện lưu hành ở thế gian. Tôi nghe biết được, nên nhân đó mà gọi là luận Hồ Lâm như ngày nay.

Niên hiệu Trinh Nguyên thứ chín, Thân Đồ Trưng từ Hoàng Quan được bổ nhiệm làm Huyện Úy huyện Thập Phương ở Hán châu. Khi đi đến phía Đông cách huyện Chân phù khoảng mười dặm, thì gặp trời nổi giá rét, tuyết rơi dày, ngựa không thể tiến bước được. Thấy bên đường có một ngôi nhà tranh, bên trong có một lò lửa hồng ấm áp, Trưng bèn soi đèn xuống ngựa bước vào nhà, thấy hai ông bà và một cô gái đang ngồi quanh lò lửa, cô gái khoảng mười bốn, mười lăm tuổi, tuy đầu tóc hơi rối và áo quần dơ dáy nhưng da trắng như tuyết, mặt đẹp như hoa, cử chỉ rất yêu kiều; ông bà thấy Trưng đến thì đứng dậy nói rằng: “Khách đi ngoài tuyết lạnh, mời đến lò sưởi ấm!” Trưng ngồi đã lâu, trời ngày càng tối tăm, gió và tuyết chẳng dứt. Trưng bèn hỏi: “Từ đây đến huyện còn xa, xin được tá túc một đêm?” Cha mẹ cô gái liền nói: “Nếu chẳng chê nhà tranh thô lậu, thì xin tuân mệnh!”

Trưng liền tháo yên cương, trải chăn màn. Người con gái thấy khách vừa nghỉ, thì sửa soạn dung nghi từ bên trong rèm bước ra, tư thái rất nhàn nhã, còn hơn cả lúc mới thấy. Trưng vội thưa rằng: “Cô nương đây ắt là thông minh hơn người, như may mắn chưa hứa hôn, thì tôi đây dám xin có lời dạm hỏi, được chăng?”

Người cha đáp rằng: “Đâu dám, mong quý khách thấu nhận, đây ắt là định phận vậy!

Trùng liền dùng danh phận rể để thi lễ. Sau đó dùng xe ngựa của mình rước về huyện. Trùng làm quan nhưng bổng lộc rất ít, nhờ sức của vợ mà chu toàn, cả nhà ai cũng vui vẻ. Về sau khi sắp về hưu thì người đã sinh được một nam một nữ cũng đều rất thông minh. Bấy giờ Trùng càng thêm kính yêu vợ, từng làm thơ tặng vợ rằng:

Tặng nội thi:

*Làm quan thẹn cùng mai phước
Ba năm hổ với Mạnh Quang
Tình này đâu thể ví được
Bên sông có đôi uyên ương.*

Người vợ suốt ngày ngâm nga, tựa như đã thầm có người họa nhưng chưa từng nói ra. Sau khi Trùng về hưu thì gia tài cũng đã khánh tận, bèn trở về nhà cũ. Bỗng người vợ buồn bã nói với Trùng rằng: “Xin tặng một bài thơ, tìm tức có bài họa”, bèn ngâm rằng:

*Tình cảm sắt tuy nặng
Chí rừng núi rất sâu
Thường do thời tiết đổi
Cô phụ tâm trăm năm.*

Hai người hỏi tìm được nhà, nhưng lại chẳng có người, nên vợ luyến nhớ, suốt ngày than khóc. Bỗng nhiên người vợ thấy ở góc tường có một tấm da cọp, liền cười nói: “Chẳng biết vật này vẫn còn!”

Bèn lấy xuống mang vào và biến thành cọp gặm gừ vô bắt rồi phá cửa mà ra. Trùng vô cùng kinh hãi, dắt hai con tìm đường chạy trốn, rồi nhìn về núi rừng mà kêu khóc. Trải qua mấy ngày chẳng biết đi đâu.

Ôi vợ Trùng và Hiện đều khác loài, biến thành người làm vợ thì đồng, nhưng tặng bài thơ cách biệt người, sau đó gặm gừ vô bắt mà đi thì khác con cọp của Hiện. Cọp của Hiện thì bắt đắc dĩ mới làm tổn thương người, nhưng lại chỉ cho phương thuốc hay để cứu người. Loài thú mà có con vì lòng nhân như thế, loài người mà có người chẳng bằng thú là vì sao? Xét rõ toàn bộ sự việc, từ khi cảm người trong khi nhiều chùa Phật, trời xướng lời trừng ác tự mình nhận chịu thay, truyền phương thuốc thần để cứu người, dặn lập chùa giảng kinh Phật, đó ắt hẳn chẳng là tánh nhân của loài thú, mà chính là bậc Đại Thánh dùng phương tiện ứng cơ hóa vật, cảm được Kim Hiện tỏ tình trong lúc nhiều tháp, muốn báo đáp lợi ích âm thầm đó, nên hiện đời được phước lợi ư? Tán rằng:

*Sơn gia chẳng nệ ba anh ác,
Nàng thuta, đâu vội dám nhận lời.
Nghĩa nặng vài điều khinh cái chết
Thân hện bên rừng hoa vội rơi.*

Tuệ Tinh Ca của Dung Thiên Sư - Đòi Chân Bình Vương:

Tam Hoa là Thái tử thứ năm Cự Liệt, thứ sáu là Thật Xứ (còn gọi là Đột Xứ) và thứ bảy là Bảo Đồng muốn đến Phong nhạc, bỗng có sao chổi (Tuệ Tinh) xuất hiện phạm vào giữa Đại Hoàng, các Thái tử sinh nghi, muốn bãi bỏ cuộc đi. Bấy giờ Sư Dung Thiên soạn ca rồi xướng lên, thì sao dữ liền diệt, binh Nhật Bản lui về, trở thành niềm vui. Vua mừng rỡ bảo các Thái tử du sơn.

Ca rằng:

Cự lý đông thi đỉnh sắt

Càn đạ bà hỷ du ô ẩn thành sắt bi lương vọng lương cổ

Oa lý sắt quân trí lai sắt đa phong thiên tà ẩn biên dã tẩu da. Tam hoa hỷ nhạc âm kiến tứ ô thi văn cổ.

Nguyệt trí bát thiết nhĩ số ư tương lai thi ba y

Đạo thi tảo thi tinh lợi vọng lương cổ

Tuệ Tinh dã bạch phản dã nhân thị hữu sắt đa.

Câu sau: Đạ a la phù khứ y sắt đặng tà

Thử dã hữu vật tử sở âm sắt tuệ sắt chỉ hữu sắt cổ.

Sư Chánh Trí cứu Bàng Nữ:

Vào đời vua Tân La thứ bốn mươi là Ai Trang Vương, có Sa-môn Chánh Tú trụ tại chùa Hoàng Long. Một hôm vào buổi chiều tối mùa đông, tuyết rơi rất dày, Sư từ chùa Tam Lang trở về. Khi đi đến bên ngoài cổng chùa Thiên Nham thì thấy có một nữ ăn xin sinh con, gặp trời quá lạnh sắp chết. Sư xót thương bèn đến bồng đứa bé, một lúc lâu hơi ấm tỏa ra, Sư cởi y đắp kỹ rồi để trần đi về chùa mình, dùng tranh cỏ che thân ngủ qua đêm. Khuya có vị trời xướng ngay tại triều đình rằng: “Nên phong cho Sa-môn Chánh Tú chùa Hoàng Long làm Vương sư!” Gấp sai người đến kiểm xét, sứ trở về tâu trình lên Vương. Vương chỉn trang đầy đủ oai nghi thỉnh Sư vào đại nội, phong làm quốc sư.

MÔN 8: ẮN CƯ***Lăng Trí cười mây - Phổ Hiền Thọ:***

Tại núi Linh Thứu, huyện A Khúc, Ấp Lương châu (Ấp Lương nay là Lương châu. A khúc còn gọi là Tây, là cầu Phật, Khuất Phát; nay ở Ủy châu có đặt Khuất phát nhật, đến nay vẫn còn tên ấy) có một dị tăng, lập am sống đã nhiều năm mà dân làng đều chẳng biết Sư là ai. Sư cũng chẳng nói tên họ, thường giảng kinh Pháp Hoa, có sức thần thông. Niên hiệu Long Sóc thứ nhất có một Sa-di tên là Trí Thông vốn là gia nô của Y Lượng Công, xuất gia năm bảy tuổi, bấy giờ có một con chim đến kêu rằng: “Hãy đến Linh Thứu sơn làm đệ tử Lăng Trí!”. Thông nghe được liền tìm đến núi này, nghỉ ngơi bên gốc cây trong động. Bỗng thấy một người lạ xuất hiện nói rằng:

- Ta là Đại sĩ Phổ Hiền, muốn trao giới phẩm cho người, nên mới đến đây!

Đại Sĩ tuyên giới xong thì biến mất; tâm của Trí Thông hoá nhiên khai ngộ, trí chứng tròn sáng, liền tiếp bước lên đường. Gặp một vị Tăng, Thông hỏi rằng:

- Ngài Lăng Trí trụ nơi nào?

Vị Tăng hỏi lại rằng:

- Hỏi Lăng Trí làm gì?

Sa-di Thông kể lại chuyện chim thần. Vị tăng mỉm cười nói rằng:

- Ta là Lăng Trí đây! Hôm nay trước điện đường của ta cũng có chim đến báo là có Thánh nhi vào làm môn hạ sắp đến rồi, nên ra nghinh tiếp, nên ta đến đây đón vậy! Liền cầm tay mà cảm thán rằng:

- Chim Linh cảnh tỉnh người đến nơi ta, báo cho ta ra nghinh đón người, sao có điềm lành này? Ất là do âm linh của núi phò trợ. Tục truyền rằng Sơn chủ là Biện Tài Thiên Nữ.

Trí Thông nghe xong, thì khóc mà cảm tạ, đánh lễ Lăng Trí làm thầy. Không bao lâu, đến lúc sắp truyền giới, Trí Thông nói rằng:

- Con đã được Đại Sĩ Phổ Hiền truyền trao chánh giới, lúc con nghỉ trong động khi trước rồi!

Lăng Trí than rằng:

- Lành thay! Người đã thọ nhận mãn phần giới của Đại sĩ; còn ta từ lúc mới sinh đến nay, sớm tối siêng năng, tha thiết nghĩ đến việc được gặp bậc chí Thánh mà vẫn còn chưa thể minh cảm. Nay người đã thọ, thì ta đây còn cách người rất xa.

Nói xong, trở lại lễ Sa-di Trí Thông. Do đó gọi cây trong động là Phổ Hiền Thọ. Trí Thông hỏi:

- Pháp sư trụ ở đây đã được bao lâu?

Đáp:

- Tôi trụ ở đây vào năm Đinh Mùi đời Pháp Hưng Vương, chẳng biết đến nay là bao nhiêu năm!

Khi Trí Thông đến núi này là vào năm Tân Dậu, năm thứ nhất đời Văn Võ Vương, tính ra đã một trăm ba mươi lăm năm. Sau Trí Thông đến thất của ngài Nghĩa Tương, thẳng đường điễn bày yếu nghĩa, trợ giúp cho việc giáo hóa, thật là chủ của Chùy Động Ký.

Lúc ngài Nguyên Hiểu trụ tại chùa Bàn Cao thì thường đến tham yết ngài Lăng Trí; Hiểu soạn Sơ Chương Quán Văn và An Thân Sự Tâm Luận, soạn xong, sai ẩn sĩ Văn Thiện mang đến trình, cuối thiên có câu kệ rằng:

*Sa-di Tây cốc cúi đầu lễ
Trước tòa Thượng đức tại núi Đông
Thổi hạt bụi thêm vào Linh thứu
Gởi giọt nước đưa đến Long uyên.*

(Chùa Bàn Cao ở phía Tây bắc Linh Thứu, nên nói Sa-di Tây cốc là tự xưng mình). Phía Đông của núi có sông Đại Hòa, vì tạo lập ra để trồng cội phước cho rồng ở hồ Đại Hòa Trung Quốc, nên gọi là Long Uyên. Thông và Hiểu đều là bậc Đại thánh mà còn cung kính thờ thầy, đạo hợp có thể biết. Sư thường cưỡi mây đến Thanh Lương sơn Trung Quốc theo chúng nghe giảng, xong rồi trở về. Chư tăng cho rằng Sư trụ gần đó, nhưng chẳng biết chính xác là nơi nào. Một hôm trước đại chúng có người bảo rằng:

- Trừ chúng thường trụ tại đây, còn tất cả những vị trụ ở chùa viện khác, mỗi người hãy mang danh hoa dị thảo nơi mình cư trụ đến cúng dường Đạo tràng!

Sáng hôm sau, Sư (Lăng Trí) mang đến một loại cây lạ dưng cúng. Vị tăng kia nói rằng:

- Cây này tên tiếng Phạm là Đát-đề-già, Trung Quốc gọi là Hách. Chỉ có tại hai núi Linh Thứu ở Tây Trúc và Hải Đông mà thôi. Hai núi này là trụ xứ của Bồ-tát Pháp Vân Địa. Đây ắt là bậc Thánh!

Chư tăng mới truy xét hình nghi, dung mạo mới biết Sư trụ tại Linh Thứu sơn Hải Đông. Do đó mà thay đổi cách đối xử. Sư nổi tiếng khắp trong và ngoài nước, người trong làng gọi nơi Sư trụ là Hách Mộc am; nay còn nền cũ ở tại núi phía Bắc chùa Hách Mộc.

Linh Thứu Tự Ký ghi: “Lăng Trí từng nói nền của am này là nền chùa thời Phật Ca-diếp”; đào lên thì được hai cái bầu đèn lớn. Đến đời Nguyên Thánh Vương, Đại Đức Duyên Hội đến trụ nơi đây, soạn truyện ký về Sư lưu hành ở đời. Theo kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát Địa thứ mười là Pháp vân địa. Nay đám mây mà Sư cưỡi che phủ hang Phật-đà dày ba ngón tay, ắt là giống với việc ngài Nguyên Hiếu phân thành một trăm thân ư?

Tán rằng:

*Tưởng rằng ẩn tích cảm trăm năm
Danh cao chưa lộ đến nhân hoàn
Đâu cấm chim rừng nhiều miệng lưỡi
Cưỡi mây qua lại chẳng tích tông.*

Duyên Hội ẩn danh - Văn-thù Cổ:

Caotăng Duyên Hội từng ẩn cư nơi Linh Thứu thường tụng kinh Pháp Hoa, tu quán hạnh Phổ Hiền, trong ao trước sân thường có vài đóa sen nở, bốn mùa chẳng khô héo (Long tạng điện chùa Linh Thứu hiện nay vốn là nơi ngài Duyên Hội ở trước kia). Quốc chủ là Nguyên Thánh Vương nghe điếm linh dị này, muốn thỉnh phong làm Quốc sư, Sư nghe được bèn bỏ am lánh đi nơi khác. Vừa đi đến khoảng Tây Lĩnh thì gặp một ông lão đang cày ruộng. Ông lão hỏi rằng:

- Sư đi đâu thế?

Đáp:

- Tôi nghe triều đình lắm nghe lời đồn nên định phong cho tôi quan tước, vì thế mới lánh đi!

Ông lão nói:

- Ở đây có thể mua, đâu cần phải đi xa để bán. Có thể Sư mua danh chẳng chán ư?

Hội cho rằng ông già này khinh mạn mình, nên không nghe theo, bỏ đi được vài dặm thì gặp một bà lão bên suối. Bà hỏi Sư rằng:

- Sư đi đâu đó?

Duyên Hội cũng đáp như trước. Bà lão lại hỏi:

- Lúc nãy có gặp người nào chẳng?

Đáp:

- Có gặp một ông già khinh mạn tôi quá, nên tức giận mà đến đây!

Bà lão nói:

- Đó là Đại Thánh Văn-thù, ngài nói mà chẳng chịu nghe sao?

Duyên Hội nghe vậy thì vô cùng kinh hãi, vội quay về chỗ ông lão khi trước dập đầu sám hối rằng:

- Lời của Đại Thánh đâu dám chẳng nghe, nay đã trở về. Còn bà lão bên bờ suối là ai?

Ông già nói:

- Đó là Biện Tài Thiên Nữ.

Nói xong liền biến mất. Duyên Hội trở về am cũ. Không bao lâu Sứ triều đình chiếu mang thỉnh, Hội biết tức nghiệp rồi, nên nhận lãnh, bèn tuân chiếu vào cung, được phong làm Quốc sư (Tăng Truyện ghi: Hiến An Vương phong làm Nhị Triều Vương Sư, hiệu là Chiếu... (nghỉ mất chữ). Vào niên hiệu Hàm Thông thứ tư, còn ở đây ghi là vào đời vua Nguyên Thánh, chưa biết ai đúng). Sư cảm niệm ân đó nên đặt nơi gặp ông lão là Văn-thù Cổ, nơi gặp bà lão là A Ni Cổ. Tán rằng:

*Phổ phường khó ẩn, lánh đã lâu
Chùy lộ khỏi bao, dễ cấm đâu?
Từ khi sân trước lằm sen nở,
Chẳng phải non mây, gốc chuta sâu.*

Tuệ Hiện tìm an tĩnh:

Thích Tuệ Hiện người Bách Tế, xuất gia từ nhỏ, siêng năng cần khổ, chuyên tâm tụng kinh Pháp Hoa làm đạo nghiệp, trừ họa hay cầu phước đều có linh ứng. Sư còn gồm học Tam Luận, nghiên cứu thông suốt. Đầu tiên Sư trụ tại chùa Tu Đức ở Bắc Bộ, khi có chúng thì giảng, không có chúng thì trì tụng. Bốn phương đều khâm ngưỡng nên đến tham học rất đông. Vì chán cảnh ồn náo, nên Sư đến núi Đạt Noa cư trụ. Núi này rất hiểm trở, đi đến thật khó khăn gian khổ. Tuệ Hiện tỉnh tọa nơi đây cầu diệt thân, cuối cùng thị tịch trong núi. Bọn đồng học đem nhục thân đặt vào thạch thất, hỏ ăn hết chỉ còn lại đầu lâu và lưỡi. Trải qua ba mùa mà lưỡi vẫn còn hồng và mềm. Sau cùng biến thành màu tím và cứng như đá. Đạo tục kính ngưỡng cất giữ trong thạch tháp. Sư thọ năm mươi tám tuổi, đó là nhằm năm Trinh Quán thứ nhất.

Sư không sang Trung Quốc tham học, lặng lẽ ẩn cư đến cuối đời mà danh vang khắp Hoa Hạ, nổi tiếng ở Đường triều. Lại tăng Thích Ba Nhã người Cao Ly đến núi Thiên Thai Trung Quốc, học giáo quán nơi ngài Trí Khải, xem được sự thần dị ấy mà vào núi thị tịch. Đường Tăng Truyện cũng có nêu rất nhiều khuôn phép linh dị khác. Tán rằng:

*Nghiệp quý truyền kinh một một phen
Năm sau dứt tụng ẩn trong mây*

*Trước gió danh lưu trong sử sách
Sau lửa lười còn tỏa hương sen.*

Tín Trung treo mũ:

Khi Hiếu Thành Vương chưa lên ngôi, thì thường cùng với Hiền sĩ Tín Trung đánh cờ vây nơi cội bá trong cung đình; Vương cũng đã từng nói rằng: “Nếu ngày sau quên khanh, thì sẽ như cây bá này!”. Tín Trung lay tạ. Vài tháng sau Vương lên ngôi, ban thưởng cho các công thần. Nhưng quên Trung không ban thưởng. Trung oán làm bài ca dán trên cây bá. Cây bá bỗng nhiên úa vàng. Vương lấy làm lạ sai người ra xem, lấy được bài ca về dâng lên. Vương vô cùng kinh ngạc nói rằng: “Quốc sự nhọc nhằn, hầu như quên mất bạn thân!”. Bèn triệu Trung vào ban cho tước lộc. Cây bá lại xanh như cũ. Ca rằng:

*Vật sắt hảo chi bá sử
Thu tế thi bất đồng nhĩ ốc chi địa mẽ.
Nhữ ư đa chi hành tế giáo nhân ẩn
Ngưỡng đến ẩn diệu hỷ cái y tứ hồ ẩn hỷ dã
Nguyệt la lý ảnh chi cổ lý nhân uyên chi sắt
Hành thi láng
A sắt sa hỷ dĩ chi như chi
Nghê sử sa sắt vọng a nãi
Thế lý đô
Chi sắt dật ô ẩn đệ dã.*

Câu sau bị mất.

Do đó ân sủng Tuệ Hiện ở hai triều. Năm thứ hai mươi hai đời Cảnh Đức Vương (là em của Hiếu Thành Vương), Tín Trung cùng với hai người bạn ước hẹn nhau từ quan, lánh vào Nam nhạc, Vương hai lần chiếu mời mà chẳng đến, lại cạo tóc làm Sa-môn, vì Vương sáng lập chùa Đoạn Tục để trụ, nguyện suốt đời lập chùa để cầu phước cho Đại vương. Vương cho phép, giữ chân dung trên bức tường sau cửa Kim đường. Phía Nam có một thôn tên là Tục Lâm, nay lầm gọi là Tiểu Hoa (Theo Tam Hòa Thượng Truyện thì có Tín Trung ở chùa Phụng Thánh, lẫn lộn với ở đây. Nhưng tính là vào đời Thần Văn, mà Thần Văn cách Cảnh Đức đã hơn một trăm năm, hà huống Thần Văn và Tín Trung là việc đời trước. Như thế chẳng phải là Tín Trung này, nên phân biệt rõ).

Lại Biệt Ký ghi: Vào đời Cảnh Đức Vương có Trực Trưởng Lý Tuấn (Cao Tăng Truyện ghi là Lý Thuần) sớm đã phát nguyện rằng:

“Đến năm năm mươi tuổi cần phải xuất gia xây dựng chùa Phật”. Năm Mậu Tý, niên hiệu Thiên Bảo thứ bảy, Tuấn vừa đúng năm mươi tuổi, sửa sang ngôi chùa nhỏ ở Tào Uyên thành một ngôi Đại Tông Lâm đặt tên là Đoạn Tục Tự, bản thân cũng cạo tóc xuất gia lấy pháp danh là Khổng Hoàng Trưởng Lão, trụ trì hai mươi năm thì thị tịch. Việc này khác với chuyện Tam Quốc Sử đã chép. Cả hai vẫn còn tồn nghi. Tán rằng:

*Công danh chưa trọn, tóc điểm sương
Vua tuy ân sủng, nhọc trăm năm
Cách bờ có núi, dân vào mộng
Nguyện thờ Phật pháp chúc Thánh vương.*

Hai vị Thánh ở Bao Sơn:

Vào thời Tân La có hai bậc Thánh là Quán Cơ và Đạo Thành chẳng biết hai ngài người xứ nào, đồng ẩn cư ở Bao Sơn (dân làng gọi là Sắt Sơn; Sắt là âm Phạm, dịch là Bao). Quán Cơ lập am tại núi Nam, Đạo Thành cất cốc tại động Bắc, cách nhau khoảng mười dặm, vệt mây gọi trắng thường qua lại nhau. Khi Đạo Thành muốn mời Quán Cơ thì cây cối trong núi đều cúi rạp về hướng Nam như nghinh đón vậy, Quán Cơ thấy vậy thì sang. Khi Quán Cơ muốn thỉnh Đạo Thành thì cũng như thế, cây cối đều cúi rạp về Bắc, Đạo Thành liền đến; trải qua nhiều năm như thế. Ngài Đạo Thành thường yên tọa trên gộp đá cao phía sau nơi trụ. Một hôm từ trong động theo khe hở của động mà vọt ra ngoài, toàn thân bay lên hư không mà đi xa, chẳng biết đến nơi đâu. Hoặc nói là đến quận Thọ Xương (nay là quận Thọ Thành). Ngài Quán Cơ cũng đoạn tục về châu. Nay lấy tên hai vị Thánh mà gọi hai nơi ấy, vẫn còn những di tích. Đạo Thành nham cao vài trượng, người sau lập chùa dưới hang động. Năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ bảy có vị Tăng pháp danh Thích Thành Phạm, đầu tiên đến trụ chùa này, lập đạo tràng Vạn Nhật Di-đà, siêng năng tu tập hơn năm mươi năm, từng xuất hiện các điềm linh dị. Bấy giờ có Tín sĩ Huyền Phong và hơn hai mươi người, hằng năm thường kết xã nhật gổ hương cấp cho chùa. Mỗi khi vào núi nhật xong thì đoạn cắt, tẩy rửa sạch sẽ rồi treo trên rèm, đến nửa đêm các đoạn gổ hương này phát ánh sáng như đuốc. Do đó người trong quận nơi cổ đều đeo hương này, chỉ mong được một năm tốt đẹp làm điều chúc mừng. Đó là sự linh cảm của vị Thánh, hoặc cho là nhạc thần (sơn thần) thâm giúp đỡ. Thần tên là Tĩnh Thánh Đại Vương, từng được Phật Ca-diếp thời quá khứ phi chúc; có thể nguyện

thọ dư báo. Nay đã ghi được sự tích của chín vị Thánh; chưa rõ thế nào. Chín vị là: Quán Cơ, Đạo Thành, Ban Sư, Điệp Sư, Đạo Nghĩa (có nền cũ ở Bá Nham), Tử Dương, Thành Phạm, Kim Vật Nữ, Bạch Ngưu Sư. Tán rằng:

*Quan lại đũa trắng giỡn suối mây
Phong lưu hai lão mấy trăm năm
Khói sương mờ động còn hương mộc
Chiếc hình cúi người vẫn đón đũa.*

Bàn: Phương ngôn gọi là Mộc, Điệp phương ngôn là Gia ất mộc. Hai Sư này ẩn cư nơi núi rừng rất lâu, tuyết giao với người đời, kết lá cây làm y phục để chống lạnh nóng, ngăn trừ ươn, che xấu hổ mà thôi. Cho nên lấy đó làm tên gọi. Từng nghe ở Phong Nhạc cũng có những tên gọi này, mới biết rằng ẩn sĩ thời xưa phần nhiều đều dấu tên như thế, rất khó mà biết dấu tích. Tôi từng đến trú ngụ ở Bao Sơn có ghi lại được những di tích quý giá về hai vị Thánh này. Tán rằng:

*Lá cây làm áo chẳng màng vải tơ
Tông xanh núi đá hoang sơ
Tiêu về dưới núi lặng tờ chiều sang
Đêm khuya ngòi ngắm trăng vàng
Nửa bay theo gió tỏa lan khắp trời
Đệm cỏ một giấc tuyết vời
Mộng hồn chẳng đến cõi đời hoang tham
Mây xa nền cũ hai am,*

Vĩnh Tài gặp cướp:

Thích Vĩnh Tài tánh tình rất vui vẻ phóng khoáng, không bị ràng buộc nơi cảnh vật, giỏi về Hương ca. Về già Sư ẩn cư ở Nam nhạc. Khi đi đến Hiện Nham thì gặp hơn sáu mươi tên cướp muốn hại Sư. Lúc sắp bị giết, sắc mặt vẫn không lộ vẻ sợ hãi, vẫn an nhiên chịu chết. Bọn cướp lấy làm lạ hỏi tên, Sư đáp là Vĩnh Tài. Bọn cướp từ trước đã nghe tên Sư, bèn [] [], Sư soạn ca rằng:

Tự hỷ tâm mẽ

Nhi sử mao đạt chỉ tương lai, thân ẩn nhật viễn ô dật [] [] quá xuất tri khiển

Kim thân tẩu vị khứ khiển tỉnh như

Đản phi hồ ẩn yên phá [] chủ thứ phát [] sử nội ư đô hoàn ư thi lãng dã

Thử binh vật sát sa quá hồ hảo thi viết sa dã nội hồ thốn ni

A da

Duy chỉ y ngô âm chi sắt hận ẩn thiện lãng ẩn an chi thượng trạch đô hồ ẩn dĩ đa.

Bọn cướp cảm động ẩn ý nơi bài ca nên tặng cho Sư hai xấp lụa hoa, Sư cười cảm tạ rằng: Đã biết tài vật là gốc của địa ngục mới lánh vào núi sâu để qua một đời, thì đâu dám nhận!

Nói xong liền đặt xuống đất. Bọn cướp cảm nhận được lời nói này, liền bỏ đao ném giáo theo Sư cạo tóc xuất gia, đồng ẩn cư nơi Trí dị sơn, không trở về thế tục nữa. Sư tịch năm chín mươi tuổi, vào đời Nguyên Thánh Đại Vương. Tán rằng:

*Chống gậy lên non ý cao thâm
Lụa ngọc nào đâu trị được tâm
Lục lâm các vị thôi chớ tặng
Địa ngục không cần chỉ tấc vàng.*

Vật Kê Tử:

Năm Nhâm Thìn, nhằm năm mươi bảy đời Nại Giải Vương Tân La có tám nước nhỏ là Bảo La, Cổ Tự (nay là Cổ Thành), Sử Vật... đồng ra sức xâm phạm biên cương. Vương sai Thái tử Nại Âm, Tướng quân Nhất Phật... đem quân chống cự, tám nước đều hàng. Bấy giờ Vật Kê Tử công lao đệ nhất, nhưng bị Thái tử tị hiềm, nên chẳng ban thưởng. Hoặc có người hỏi rằng:

- Công lao trong trận này chỉ có ngài mà thôi, nhưng lại không được ban thưởng, ắt là do Thái tử tị hiềm, quốc vương oán ư?

Kê Tử nói:

- Quốc quân là bậc trưởng thượng, đâu thể oán bề tôi được!

Lại nói:

- Thế thì tâu trình lên Vương biết!

Kê Tử đáp:

- Khoe công tranh lợi, tôn mình ép người chẳng phải là hành vi của bậc chí sĩ, phải cố gắng đợi thời mà thôi!

Năm Ất Mùi, Quốc vương của ba nước là Cốt Phố... đem quân đánh Kiệt Hỏa (nghĩ là Khuất Phát, tức Úy châu ngày nay). Vương đích thân cầm quân chống cự. Ba nước đều bại trận. Kê Tử chém được vài mươi thủ cấp, nhưng mọi người chẳng luận công của Kê Tử. Kê Tử nói với vợ rằng:

- Ta nghe nói đạo Vua tôi rằng: Thấy nguy thì liều mình, gặp nạn thì quên thân, nường vào tiết nghĩa, chẳng kể đến việc sống chết, đó

gọi là trung. Nay việc Bảo La đánh Kiệt Hỏa là cái nạn của nước, cái nguy của vua, mà ta chưa từng có cái dũng liều mình, quên thân, đó quá bất trung. Đã chẳng trung lại còn làm liên lụy đến tổ tiên, thì chính là bất hiếu. Ta đã mất trung, hiếu, thì đâu còn mặt mũi nào mà đứng trong triều đình hay đi ra ngoài phố chợ?

Do đó Kê Tử bèn từ quan mang đàn vào núi Sư Trệ (chưa rõ ở đâu); khi buồn với tánh bệnh của cổ cây thì gỏi gắm vào lời ca, khi vui cùng tiếng khe suối thì gảy đàn soạn nhạc khúc, ẩn cư suốt đời không trở về thế tục.

Nghinh Như Sư:

Tăng Thích Nghinh Như ở chùa Thật Tế, không rõ tộc họ, nhưng đức hạnh đều cao vời. Cảnh Đức Vương thiết trai cúng dường, sai sứ thỉnh Sư, Sư tuân chiếu vào cung thọ trai xong, lúc sắp trở về, Vương sai người tiễn đến tận chùa, vừa vào cửa Sư liền biến mất, chẳng biết Sư ở đâu. Sứ về tâu lại, Vương rất kinh ngạc, truy phong Quốc Sư. Từ đó về sau cũng không còn xuất hiện nữa. Đến nay gọi nơi đó là Quốc sư Phòng.

Năm vị Tỳ-kheo ở núi Bồ Xuyên:

Vào đời Cảnh Đức Vương, ở núi Bồ Xuyên cách Áp Lương châu khoảng hai mươi dặm về phía Đông bắc, có một hang động vô cùng kỳ tú giống như người đẻo gọt, trong đó có năm vị Tỳ-kheo không rõ tên họ ẩn cư, chuyên niệm Di-đà cầu sinh Tây Phương đã mấy mươi năm. Một hôm bỗng có thánh chúng từ phương Tây đến nghinh tiếp. Bảy giờ năm vị Tỳ-kheo đều ngồi trên đài sen, bay đi trong hư không. Khi đến ngoài cổng chùa Thông Độ thì lưu lại, nhạc trời trỗi vang, chũntăng trong chùa ra xem, năm vị liền thuyết lý vô thường khổ không rồi thoát bỏ sắc thân, phóng ánh sáng rực rỡ đi về phương Tây. Nơi các ngài bỏ thân, chũ Tăng trong chùa lập một ngôi nhà gọi là Trí Lôu, đến nay vẫn còn.

Niệm Phật Sư:

Tại vùng chân núi phía Đông của Nam sơn có làng Tị Lý, trong làng có một ngôi chùa, vì đặt theo tên thôn nên gọi là Tị Lý tự. Có một vị tăng lạ không cho biết tên họ trụ nơi chùa này, thường xưng niệm danh hiệu Phật Di-đà, âm thanh vang khắp thành, tất cả mười bảy vạn hộ của ba trăm sáu mươi phường đều nghe rõ. Âm thanh niệm Phật của

Sư không cao thấp, cứ trong treo một giọng. Vì điều kỳ lạ này mà ai ai cũng kính lễ, gọi ngài là Niệm Phật Sư. Sau khi Sư thị tịch, mọi người dùng đất tạo đắp chân tượng của Sư thờ tại chùa Mãn Tạng. Ngôi chùa Tị Lý đổi tên là chùa Niệm Phật; ngôi chùa bên cạnh đó đặt là chùa Nhưông Tị, tức lấy theo tên của thôn này.

MÔN 9: HIẾU THUẬN

Pháp sư Chân Định:

Pháp sư Chân Định người Tân La, khi chưa xuất gia, Sư là một sai dịch tên Tốt Ngũ. Nhà rất nghèo không thể cưới vợ. Những lúc rảnh rỗi công việc của quan, Tốt Ngũ làm thuê lấy gạo đem về nuôi mẹ. Tài sản trong nhà chỉ có một cái vạc nhỏ đã gãy chân mà thôi. Một hôm có một vị tăng đến nhà hóa duyên tiền vật để làm chùa viện. Người mẹ bèn cúng dường cái vạc này. Lát sau Tốt Ngũ từ ngoài trở về, người mẹ thuật lại và hỏi rằng: “Ý của con thế nào?”. Tốt Ngũ vui mừng hiện rõ nói rằng: “Cúng dường Phật sự thì đâu có gì may mắn bằng? Tuy không có vạc cũng chẳng có gì phải lo”.

Tốt Ngũ dùng chậu đất thay nồi nấu cơm cho mẹ ăn. Lúc ở trong hàng ngũ, từng nghe nói pháp sư Nghĩa Tương trụ tại Thái Bá Sơn thuyết pháp làm lợi ích cho mọi người, Tốt Ngũ đã có tâm ngưỡng mộ. Một hôm nói với mẹ rằng: “- Khi báo hiếu xong, con sẽ đến lễ pháp sư Nghĩa Tương cầu xuất gia học đạo.” Người mẹ nói rằng: “Phật pháp rất khó gặp, đời người lại trôi qua mau. Con nói báo hiếu xong, thì chẳng phải là đã muộn mất ư? Chi bằng nhân khi ta chưa qua đời, để nghe được Đạo, thì cẩn thận chờ theo thường tình, mau chóng đi ngay mới được.” Tốt Ngũ nói rằng: “Lúc mẹ già nua, chỉ có một mình con bên cạnh, mà bỏ mặc để xuất gia, đâu dám nhẫn tâm như thế?” Người mẹ nói: “Ôi! Vì ta mà trở ngại việc xuất gia, ắt khiến ta đọa vào Nê lê mất! Tuy con có dùng ba lao, bảy đỉnh để phụng dưỡng ta, cũng đâu đáng gọi là hiếu. Áo quần, cơm gạo ta ở nơi cửa nhà người cũng có thể giữ được tuổi trời. Nếu muốn báo hiếu ta chờ nên nói như thế!”

Tốt Ngũ im lặng suy nghĩ hồi lâu. Người mẹ bỗng đứng dậy dốc bao đổ hết số gạo để dành, được bảy thăng, trong ngày ấy đem nấu hết, rồi nói: “Sợ con vì lo việc ăn mặc mà chậm đến đó, nên phải ở trước ta đây ăn một phần, còn sáu thăng gói lại mang đi nhanh, đi nhanh lên!”

Tốt Ngũ nuốt lệ cố quyết chối từ, nói rằng:

- Bỏ mẹ xuất gia, việc ấy phận làm con cũng khó mà kham chịu được; hà hưởng lương thực dành cho mẹ mấy ngày lại mang đi hết, như thế người trong thiên hạ sẽ nói con như thế nào?

Bao lần từ chối, bấy lần khuyên bảo, cuối cùng Tốt Ngũ đành trái ý mình, nửa đêm lên đường. Trải qua ba ngày, đến được Thái bá sơn, lễ ngài Nghĩa Tương cạo tóc xuất gia làm đệ tử, pháp danh là Chân Định. Tu học được ba năm, một hôm nghe tin mẹ qua đời, Sư kiết già nhập định bảy ngày mới xuất. Có người nói rằng: “Vì sợ đau thương cùng tột không thể chịu nổi, nên mới dùng nước định để rửa sạch”. Hoặc cho rằng: “Đó là Sư nhập định quán sát nơi sinh về của mẹ”. Hoặc cho rằng: “Đó là Sư theo lý như thật để cầu phước cho mẹ”.

Sau khi xuất định, Sư thưa lại với ngài Nghĩa Tương, ngài Nghĩa Tương bèn dẫn môn đồ đến Chùy động ở Tiểu bá sơn kết thảo am, tụ tập ba ngàn người, lập kỳ hạn chín mươi ngày giảng kinh Hoa Nghiêm, có môn nhân là Trí Thông theo lời giảng tóm lược yếu chỉ, biên thành hai quyển gọi là Chùy Động Ký lưu hành ở đời. Sau đó người mẹ báo mộng rằng: “Ta đã sinh về cõi trời!”

Đại Thành hiếu dưỡng cha mẹ hai đời:

Người đàn bà nghèo ở thành Mâu Lương (còn gọi là Phù Vân thôn) tên là Khánh Tổ sinh được một con trai. Vì đầu lớn mà đỉnh đầu bằng, nên đặt tên là Đại Thành. Vì gia đình nghèo khó nên phải làm công nơi tiệm buôn nhà Phước An, được gia đình này cấp mấy mẫu ruộng để làm tài sản sinh sống. Một hôm có một vị Khai sĩ tên là Tiệm Khai muốn lập hội Lục Luân ở chùa Hưng Luân, nên đến nhà Phước An quyên góp, An cúng dường năm mươi xấp lụa. Khai sĩ chúc rằng: “Đàn-việt thành tâm cúng dường, thiên thần thường hộ trì, thí một được vạn, gia đình an lạc, thọ mạng dài lâu!”.

Đại Thành nghe như thế liền trở về nhà nói với mẹ rằng:

- Con nghe vị tăng kia nói rằng: Thí một được vạn, con nghĩ rằng đời trước chúng ta không tạo phước thiện, nên ngày này mới khổ. Nếu nay lại chẳng bố thí thì đời sau lại càng nghèo khổ hơn. Cúng dường mấy mẫu ruộng thuê ấy vào pháp hội, để mong phước báo mai sau, mẹ thấy thế nào?

Người mẹ đồng ý, do đó cúng tất cả ruộng cho vị tăng. Không bao lâu Đại Thành qua đời. Đêm hôm ấy nơi nhà của Tế tướng Kim Văn Lượng có chư Thiên xướng rằng:

- Đại Thành ở làng Mâu Lương sẽ gá sinh vào nhà người! Mọi người trong nhà đều kinh hãi, sai người đến Mâu Lương kiểm nghiệm, quả thật Thành đã mất. Ngày hôm ấy, đồng thời với lúc trời xướng, thì người có thai sinh ra một bé trai, tay trái nắm chặt, bảy ngày sau mới mở, trong đó có một thẻ vàng, trên khắc hai chữ Đại Thành, do đó cũng đặt tên là Đại Thành. Gia đình Tể tướng lại đón người mẹ trước vào dinh nuôi dưỡng.

Đại Thành lớn lên rất thích săn bắn; một hôm lên núi Thổ Hàm săn được một con gấu, đêm ấy nghỉ lại ở một làng dưới núi này, mộng thấy gấu biến thành quỷ nói rằng: “Vì sao người giết ta, ta sẽ ăn thịt lại người!”. Đại Thành sợ hãi xin dung tha. Quỷ nói rằng: “Có thể vì ta mà lập chùa chăng?”. Thành đồng ý và phát thệ. Tỉnh giấc mồ hôi đã toát ra ướt cả chăn. Từ đó về sau cấm săn bắn. Vì gấu lập chùa Trường Thọ tại nơi săn bắn. Cũng nhân đó mà tâm có cảm, bi nguyện càng tăng cao, bèn vì cha mẹ hiện đời mà lập chùa Phật Quốc, vì cha mẹ đời trước mà lập chùa Thạch Phật, thỉnh hai Thánh sư là Thần Lâm và Chân Biểu trụ trì, mở rộng việc giáo hóa. Báo đáp công dưỡng dục, một thân mà hiếu dưỡng cha mẹ hai đời, thật xưa nay ít nghe nói. Sự ứng nghiệm của cúng dường có thể chẳng tin ư?

Đại Thành định tạc tượng Phật bằng đá, lại muốn dùng tảng đá lớn làm khám thờ, bỗng nhiên tảng đá vỡ làm ba. Đại Thành tức giận rồi thiếp đi. Ban đêm mộng thấy Thiên Thần đến tạo xong rồi trở về trời, mà Đại Thành mới tỉnh giấc. Thành liền đến Nam lĩnh đốt gỗ hương cúng Thiên thần. Do đó núi này gọi là Hương Lĩnh. Nghệ thuật điêu khắc, tạo tạc gỗ đá trên tháp Vân Thê chùa Phật Quốc, không có các chùa nào ở Đông đô hơn được. Đó là những điều mà Hương Truyện đã ghi. Còn Tự Ký trong chùa thì ghi rằng: “Vào năm Tân Mão, niên hiệu Thiên Bảo thứ mười, đời Cảnh Đức Vương, Tể tướng Đại Thành xây dựng chùa Phật Quốc, đến ngày hai tháng mười hai năm Giáp Dần, niên hiệu Đại Lịch đời Tuệ Cung thì Đại Thành qua đời, người trong nước tiếp tục xây dựng mới hoàn thành. Đầu tiên thỉnh vị Đại Đức Du-già Hàng Ma trụ chùa này, kế tục mãi đến nay”. Như thế thì khác với truyện xưa. Chưa rõ là thuyết nào đúng. Tán rằng:

*Mâu Lương xuân qua thí ba mẫu
Hương Lĩnh thu về được vạn kim
Nhà Huyền trăm năm nghèo chợt quý
Sân Hòe nhất mộng trải ba đời.*

Xá nhân Hường Đắc cất thịt đùi dâng cha:

Vào đời Cảnh Đức Vương, ở Hùng Xuyên châu có xá nhân Hường Đắc, gặp năm mất mùa, cha của Đắc hầu như sắp chết đói, Hường Đắc bèn cất thịt đùi của mình để nuôi cha. Người trong châu huyện tâu việc này lên Vương, Cảnh Đức Vương liền ban cho năm trăm thạch lúa.

Tôn Thuận chôn con:

Vào đời Hưng Đức Đại Vương có Tôn Thuận (bản xưa ghi là Tôn Thuấn) người ở làng Mâu Lương, cha là Hạc Sơn. Cha qua đời, Tôn Thuận cùng với vợ chỉ biết đến giúp việc nhà người, kiếm gạo thóc về nuôi mẹ. Người mẹ tên là Vận Ô. Vợ chồng Thuận có một đứa con, thường giành hết phần cơm của mẹ. Thuận rất khó xử. Một hôm bàn với vợ rằng: “Con thì còn có thể có được, mẹ thì khó tìm cầu, nay nó giành phần ăn của mẹ, mẹ đói làm sao chịu nổi. Hãy chôn đứa con để mong cho mẹ được no đủ”. Vợ chồng bèn mang con đến phía Bắc Túy sơn (tại Tây bắc thôn Mâu lương), đào huyệt để chôn con, bỗng nhiên nhặt được một cái chuông đá rất kỳ lạ. Vợ chồng kinh ngạc treo chuông lên một cành cây rồi đánh thử. Chuông phát ra âm thanh từ hòa dễ nghe. Người vợ nói rằng: “Được vật lạ, ắt là phước của con, chẳng thể chôn nó”. Tôn Thuận cũng cho là thế. Vợ chồng mang đứa con và chuông đá trở về, treo chuông lên xà nhà rồi đánh. Tiếng chuông vang đến cung đình. Hưng Đức Vương nghe được nói với mọi người rằng: “Ngoại thành phía Tây có tiếng chuông lạ, trong mà vang xa, không giống các tiếng chuông khác, các người nhanh đi tìm hiểu xem!”.

Người của vua đến kiểm xét nhà của Thuận, rồi trở về tâu lại đầy đủ. Vương nói:

- Ngày xưa Quách Cự chôn con, trời ban cho vạc bằng vàng; ngày nay Tôn Thuận chôn con, đất lại xuất hiện chuông đá. Hiếu xưa, hiếu nay đất trời đồng soi xét.

Nói xong Vương ban cho Thuận một ngôi nhà, hàng năm cấp cho năm mươi thạch lương thực, để tỏ lòng chuông sự thuần hiếu. Tôn Thuận đổi nhà cũ của mình thành chùa, đặt tên là Hoàng Hiếu, cất giữ chuông đá ở đây. Đến đời Chân Thánh Vương, giặc Bách Tế xâm nhập vào làng, nên chuông đã mất mà chùa vẫn còn. Nơi được chuông gọi là Hoàn Hồ Bình, nay lầm gọi là Chi Lương Bình.

Người con gái nghèo nuôi mẹ:

Hiếu Tông Lang đến Bào Thạch Đình (hoặc gọi là Tam Hoa

Thuật), môn khách đi theo rất đông, nhưng chỉ có hai người còn ở lại phía sau. Hiếu Tông hỏi nguyên do, hai người ấy nói rằng: Tại ngôi làng phía Đông chùa Phấn Hoàng có một người con gái khoảng trên dưới hai mươi tuổi đang ôm người mẹ mù lòa, cả hai đang than khóc. Hỏi người trong làng, thì được kể rằng: “Người con gái này nhà rất nghèo, đi xin về nuôi mẹ đã nhiều năm. Gặp năm mất mùa đói kém, đi xin cũng rất khó được người giúp đỡ. Cô gái liền bán thân vào nhà người được ba mươi thạch gạo, gửi trong một nhà giàu để làm việc. Chiều tối mang gạo về nhà, nấu đến nửa đêm, sáng sớm thì đến nhà giàu kia làm việc. Trải qua vài ngày như thế, người mẹ nói rằng: “Lúc trước ta ăn cám mà tâm bình ổn, gần đây ăn được cơm ngon mà gan ruột như có gai đâm, mà tâm thì chẳng an. Vì sao thế?”

Người con gái bèn nói ra sự thật. Người mẹ liền thống khổ khóc lóc; người con gái than thở cho mình, chỉ vì muốn phụng dưỡng mẹ mà mất đi nhan sắc. Vì thế mẹ con ôm nhau khóc. Chúng tôi thấy vậy nên dừng lại xem!

Hiếu Tông Lang nghe nói thâm cảm động, gửi tặng một trăm斛 lúa, cha mẹ của Tông gửi một bộ áo quần, một ngàn môn đồ của Tông thu góp cho một ngàn thạch lúa. Sự việc truyền đến cung đình, Chân Thánh Vương ban cho năm trăm thạch lúa, một ngôi nhà. Sai quân lính bảo vệ, đề phòng trộm cướp. Ban biểu đề là “Hiếu Dưỡng Chi Lý”. Sau hai mẹ con cải nhà làm chùa, đặt tên là Lương Tôn Tự.

HẬU BẠT

Ba nước phương Đông ta có hai bản Bản Sử Di Sự, họ Không ấn hành, nên chỉ còn một bản ở phủ ta; nhưng trải qua thời gian lâu xa nên bị rách nát, thiếu khuyết, một hàng chỉ có thể đọc được bốn, năm chữ. Tôi chỉ là kẻ sĩ đời này, xem khắp tất cả kinh sử, những việc trị loạn, hưng suy trong thiên hạ, cùng các sự tích kỳ lạ còn muốn biết rõ; hà huống gì người sống ở nước ấy, mà chẳng biết việc của nước mình, có thể được ư? Do đó muốn khắc lại, nên tôi đã tìm cầu bản hoàn chỉnh khắp nơi, tìm đọc mấy năm mà chẳng có. Bởi vì nó rất ít lưu hành ở đời, mọi người chẳng dễ gì gặp được. Như thế có thể biết, nếu nay không khắc lại thì việc xưa ở phương Đông sẽ thất truyền, người đời sau chẳng thể nào nghe biết, thật đáng than tiếc mà thôi! May thay cho bản văn của tôi! Mục sử Tinh châu là Quyền Công nghe tôi tìm cầu, nên tìm được một bản hoàn chỉnh gửi đến. Tôi vui mừng lãnh nhận, trình lên Giám Ti An Tướng Quốc, Đô Sự Phác Hầu, mọi người cho là việc tốt. Bấy giờ phân chia khắc bản ở các nơi rồi đem trở về giữ tại bản phủ.

Ôi! Vật đã tồn tại lâu ắt sẽ phế, đã phế thì ắt có hưng; hưng rồi phế, phế rồi hưng đó là lẽ thường. Biết lẽ thường thì có lúc sẽ hưng thịnh. Để vĩnh viễn lưu truyền, thì cũng hy vọng nơi bậc tuệ học đời sau vậy.

Tháng chạp mùa đông năm Nhâm Thân, niên hiệu Chánh Đức triều Minh, Phủ Y Suy Thành Định Nạn Công Thần, Gia Thiệu Đại Phu, Khánh Châu Trấn Bình Mã Tiết Chế Sứ Toàn Bình Quân Lý Kế Phước kính ghi lời bạt.

Hiệu chính:

Sinh viên Lý Sơn Phụ, Thôi Khởi Đồng.

Trung Thuận Đại Phu Hành Khánh Châu Phủ Chế Quan, Khánh Châu Trấn Bình Mã Tiết Chế Đô Úy Lý Lưu.

Phụng Trực Lang Thú, Khánh Thượng Đạo Đô Sự Phác Toàn.

Suy Thành Định Nạn Công Thần Gia Tĩnh Đại Phu Khánh Thượng

Đạo Quán Sát Sứ kiêm Bình Mã Thủy Quân Tiết Độ